



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2026/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 13 tháng 5 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 06/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 31/2023/TT-BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC;

Xét Tờ trình số 1136/TTr-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về dự thảo Nghị quyết phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra số 140/BC-HĐND ngày 05 tháng 5 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định việc phân định cụ thể nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường của ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường (cấp xã);

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 2. Nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường từ ngân sách cấp tỉnh

1. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

a) Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

- Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt;

Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của tỉnh.

b) Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường, bao gồm:

- Điều tra, khảo sát, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của tỉnh; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ đối với trường hợp có phạm vi liên xã;

- Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

- Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

c) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của địa phương; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo dự án đầu tư (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo pháp luật về công nghệ thông tin);

- Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường;

- Hoạt động của hệ thống quan trắc môi trường theo quy hoạch tỉnh (bao gồm cả vận hành, bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa, hiệu chuẩn, kiểm định).

d) Kiểm tra, thanh tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc nhiệm vụ của tỉnh và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

đ) Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

- Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; xác lập, thẩm định và công nhận di sản thiên nhiên;

- Hoạt động bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 3 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học (trừ hoạt động lập, thẩm định quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học; trừ các nội dung quy định tại điểm d và điểm g khoản 3 Điều 73 của Luật Đa dạng sinh học);

- Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, cấp lĩnh vực; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; theo dõi, giám sát, thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính các cơ sở trong phạm vi quản lý; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính tỉnh;

- Hoạt động phát triển thị trường các-bon;

- Xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng báo cáo đánh giá tác động, tính dễ bị tổn thương, rủi ro, tổn thất và thiệt hại do biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh;

- Điều tra, thống kê, giám sát, đánh giá, lập danh mục chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính thuộc nhiệm vụ tại địa bàn tỉnh Cao Bằng.

e) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật.

g) Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm:

- Phối hợp trong việc ký kết, thực hiện các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên theo đề xuất của cơ quan trung ương có thẩm quyền; ký kết, thực hiện các thỏa thuận quốc tế về bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn;

- Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật (đối ứng dự án vốn viện trợ thuộc nguồn sự nghiệp môi trường).

h) Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Xây dựng, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, chương trình, đề án, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong Quy hoạch tỉnh Cao Bằng;

- Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; điều tra, đánh giá, xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng;

- Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường; hội thảo phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường;

- Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thông kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường;

- Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

- Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi các hoạt động kinh tế: Quản lý khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của Nhà nước.

3. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo:

a) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về đa dạng sinh học;

b) Giáo dục, đào tạo về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu thuộc trách nhiệm của tỉnh.

4. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ:

Nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ, pháp luật về chuyển giao công nghệ.

5. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi quản lý hành chính:

a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;

b) Hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban điều phối, Tổ công tác liên ngành, các Ủy ban, các Hội đồng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được cấp có thẩm quyền thành lập; tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ

vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 3. Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường cấp tỉnh

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải (theo dự án đầu tư), bao gồm: Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường (theo dự án đầu tư), bao gồm:

a) Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đối với khu vực ô nhiễm môi trường đất do lịch sử để lại hoặc không xác định được tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, gồm: Khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất trong chiến tranh; khu vực bị ô nhiễm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật; khu vực đất bị ô nhiễm khác trên địa bàn thuộc trách nhiệm xử lý của tỉnh; xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ đối với trường hợp có phạm vi liên xã;

b) Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước; hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước;

c) Hoạt động điều tra, đánh giá đất đai; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất thuộc trách nhiệm của tỉnh, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về đất đai.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường; quan trắc môi trường, bao gồm:

a) Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do địa phương quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ;

b) Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về môi trường, biến đổi khí hậu; hạ tầng kỹ thuật quan trắc môi trường của tỉnh; mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo dự án đầu tư (đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin được sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển theo pháp luật về công nghệ thông tin).

4. Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm:

a) Đầu tư bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định tại khoản 2 Điều 73 Luật Đa dạng sinh học, bao gồm: Điều tra cơ bản về đa dạng sinh học; phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học của Nhà nước; thực hiện các chương trình kiểm soát, cô lập, diệt trừ các loài ngoại lai xâm phạm; đầu tư khác liên quan đến việc bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật;

b) Đầu tư dự án phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo tồn đa dạng sinh học; đầu tư dự án chuyển đổi công nghệ loại trừ, giảm thiểu sử dụng các chất làm suy giảm tầng ô-dôn, chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát, thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

5. Hoạt động hội nhập quốc tế và hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường, bao gồm: Vốn đối ứng chương trình, dự án sử dụng vốn vay ODA, viện trợ về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn theo quy định của pháp luật (đối ứng dự án vốn viện trợ thuộc nguồn đầu tư).

6. Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của tỉnh theo quy định của pháp luật, bao gồm: Cấp vốn điều lệ, bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh.

Điều 4. Nhiệm vụ chi thường xuyên cho bảo vệ môi trường từ ngân sách cấp xã

1. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi sự nghiệp bảo vệ môi trường:

a) Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải, bao gồm:

- Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt thuộc trách nhiệm của cấp xã;

- Hỗ trợ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và xử lý các loại chất thải khác phát sinh trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã.

b) Mua sắm trang thiết bị thay thế; duy trì, vận hành trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã.

c) Kiểm tra, giám sát về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn thuộc trách nhiệm của cấp xã và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

d) Bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học; bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, bao gồm:

- Điều tra, khảo sát, đánh giá, quản lý và bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo quy định;

- Tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.

đ) Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

e) Các hoạt động quản lý nhà nước khác bảo vệ môi trường thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Tiếp nhận, xác minh, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư về bảo vệ môi trường;
- Phòng ngừa, ứng phó khắc phục sự cố môi trường;
- Quản lý, công bố thông tin về môi trường; cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cấp xã;
- Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu;
- Hoạt động đánh giá phục vụ việc xác nhận về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Các nhiệm vụ chi từ nguồn chi quản lý hành chính:

a) Đánh giá, tổng kết và theo dõi thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn cấp xã;

b) Tổ chức các hội nghị về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo quyết định của cấp có thẩm quyền và các nhiệm vụ khác có tính chất quản lý hành chính phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 5. Nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho bảo vệ môi trường cấp xã

1. Quản lý chất thải, hỗ trợ xử lý chất thải (theo dự án đầu tư), bao gồm:

a) Xây dựng, hỗ trợ xây dựng công trình vệ sinh công cộng, phương tiện, thiết bị thu gom, quản lý, xử lý chất thải khu vực công cộng; công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ, chất thải;

b) Xây dựng, sửa chữa, cải tạo hạ tầng bảo vệ môi trường của làng nghề.

2. Xử lý, cải tạo, phục hồi chất lượng môi trường (theo dự án đầu tư), bao gồm:

a) Xử lý ô nhiễm môi trường nước mặt sông, hồ trong trường hợp có phạm vi ô nhiễm trong địa bàn của một đơn vị hành chính cấp xã;

b) Hoạt động bảo vệ tài nguyên nước; phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra thuộc trách nhiệm của cấp xã, phù hợp với quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật về tài nguyên nước.

3. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; trang thiết bị để bảo vệ môi trường, bao gồm: Các dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, lưu giữ, trạm trung chuyển, khu tập kết, hạ tầng kỹ thuật của khu xử lý chất thải rắn tập trung, chất thải nguy hại, hệ thống xử lý nước thải, bãi chôn lấp chất thải sinh hoạt trên địa bàn; hệ thống các công trình, thiết bị công cộng phục vụ quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đầu tư công trình vệ sinh công

cộng, công trình xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý. Đối với các dự án thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân quản lý thì kinh phí thực hiện do doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân chi trả, ngân sách nhà nước không hỗ trợ.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ cho nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh được đảm bảo từ nguồn ngân sách của địa phương theo phân cấp.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 5 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 84/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng phân định các nhiệm vụ chi về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản khác thì áp dụng văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVIII, Kỳ họp thứ 03 (chuyên đề) thông qua ngày 13 tháng 5 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm thông tin - Hội nghị, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Phan Thăng An